

DẠY HỌC KỸ NĂNG THỰC HIỆN PHÉP TÍNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ HỌC HOÀ NHẬP Ở LỚP 1

Vũ Thị Hồng Hiền

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Học sinh khuyết tật trí tuệ với đặc trưng cơ bản về nhận thức khi có chỉ số $IQ < 70$, hạn chế về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xã hội và kỹ năng sống tự lập. Các em luôn gặp nhiều khó khăn trong học tập, sinh hoạt và hoà nhập ở nhà trường, cộng đồng. Tuy nhiên, mặc dù với những hạn chế do khuyết tật trí tuệ gây nên, các em cần được trang bị kiến thức, kỹ năng hết sức cơ bản để có thể hoà nhập trong học tập, sinh hoạt tại nhà trường, gia đình, cộng đồng. Trên cơ sở đưa ra các vấn đề lý luận như một số khái niệm cơ bản, đặc điểm chung và đặc điểm học Toán học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1, xác định 04 nhóm kỹ năng thực hiện phép tính, bài viết đánh giá thực trạng dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1 về mức độ thực hiện và mức độ đạt được của 04 nhóm kỹ năng đã xác định thông qua khảo sát 31 giáo viên đang dạy học hoà nhập học sinh khuyết tật trí tuệ ở lớp 1. Kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ là cơ sở cho nghiên cứu đề xuất các biện pháp dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1, góp phần nâng cao chất lượng của quá trình này.

Từ khóa: Dạy học; học hoà nhập; khuyết tật trí tuệ; kỹ năng; phép tính.

Nhận bài ngày 15.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.9.2025

Liên hệ tác giả: Vũ Thị Hồng Hiền; email: vuthihonghien@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khuyết tật trí tuệ là một dạng tật phổ biến trong các dạng khuyết tật ở Việt Nam, chiếm khoảng 30% trong tổng số hơn 1,3 triệu trẻ em khuyết tật. Học sinh khuyết tật trí tuệ có hai đặc trưng cơ bản: 1) Chỉ số thông minh thấp (dưới 70) và 2) Hạn chế về các kỹ năng (KN) sống, KN xã hội (DSM-5) [1]. Bên cạnh đó, độ tuổi của học sinh khuyết tật trí tuệ được giới hạn ở dưới 16 tuổi. Do đó, học sinh khuyết tật trí tuệ ở lớp 1 thường gặp phải rất nhiều khó khăn trong môi trường học hoà nhập nói chung, đặc biệt là các KN thực hiện Toán học nói riêng như: hiểu các khái niệm cơ bản về số lượng và phép toán, việc nhận diện và hiểu các số và ký hiệu toán học, chuyển từ khái niệm cụ thể (như đếm các đối tượng) sang khái niệm trừu tượng hơn (như số học),...

Đã có một số công trình nghiên cứu trong nước về dạy học cho học sinh khuyết tật trí tuệ, chẳng hạn như: Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Yến và Đỗ Thị Thảo (2010) đã đề xuất các kĩ thuật dạy học chuyên biệt, phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lý và nhận thức của trẻ khuyết tật trí tuệ, trong đó nhấn mạnh sự tích hợp giữa các yếu tố giao tiếp, hành vi và học thuật [2]; Lê Văn Tạc (2006) cho rằng việc xây dựng một hệ thống bài học với mục tiêu rõ ràng, các bước đi tuần tự từ đơn giản đến phức tạp là yếu tố cốt lõi để giúp trẻ tiếp cận kiến thức [3]; Nguyễn Xuân Hải (2009) tập trung nghiên cứu việc tổ chức hoạt động dạy học điều chỉnh trong môi trường hoà nhập, trong đó nhấn mạnh các nguyên tắc phân hóa, hỗ trợ cá nhân và đánh giá linh hoạt đối với học sinh khuyết tật trí tuệ [4];...

Trên cơ sở phân tích các khái niệm, nội dung bài viết thực hiện khảo sát và đánh giá thực trạng dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập

ở lớp 1 về mức độ thực hiện và mức độ đạt được của 04 nhóm kỹ năng. Kết quả này là cơ sở cho nghiên cứu đề xuất các biện pháp dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1, góp phần nâng cao chất lượng của quá trình này.

2. NỘI DUNG

2.1. Các khái niệm

Khuyết tật trí tuệ

Tài liệu Chẩn đoán và Thống kê các Rối loạn Tâm thần (DSM-5), Hoa Kỳ (2013) xác định khuyết tật trí tuệ là một rối loạn khởi phát trong thời kỳ phát triển, thiếu hụt chức năng trí tuệ; thiếu hụt hành vi thích ứng trong các lĩnh vực khái niệm, xã hội, thực hành; và khởi phát trong giai đoạn phát triển [1]. Cụ thể, rối loạn này được chẩn đoán khi đồng thời thỏa mãn ba tiêu chí: (1) *thiếu hụt các chức năng trí tuệ (lí luận, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch...)*; (2) *khiếm khuyết trong hành vi thích ứng, ảnh hưởng tới khả năng sống độc lập và hòa nhập xã hội*; và (3) *khởi phát trong giai đoạn phát triển*.

Dạy học hòa nhập

Dạy học là một quá trình bao gồm hoạt động tương tác giữa giáo viên và học sinh, trong đó dưới sự chủ đạo của giáo viên, học sinh tích cực, tự giác tiếp nhận tri thức khoa học, KN, kỹ xảo; đồng thời phát triển năng lực nhận thức và hình thành phẩm chất nhân cách.

Kỹ năng

Khái niệm kỹ năng được tiếp cận theo các phương diện về hành vi, thao tác hay năng lực đối với việc thực hiện một công việc nào đó. Phạm vi bài viết, chúng tôi cho rằng, *KN là năng lực thực hiện một hành động hoặc hoạt động bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, phương thức hành động phù hợp để đạt được mục tiêu đề ra trong điều kiện cụ thể*.

Như vậy, *dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1* là một quá trình bao gồm những hoạt động dạy học với sự lựa chọn và vận dụng những tri thức, phương thức thực hiện phép tính phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh khuyết tật trí tuệ ở lớp 1 nhằm giúp các em có được năng lực thực hiện phép tính ở lớp 1.

2.2. Đặc điểm học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 1

2.2.1. Đặc điểm chung của học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 1

Học sinh khuyết tật trí tuệ là những em có sự hạn chế về trí tuệ và hành vi thích ứng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng học tập, giao tiếp và hoà nhập xã hội. Một số đặc điểm nổi bật về mặt tâm sinh lý của nhóm học sinh này bao gồm:

Khả năng nhận thức: Học sinh khuyết tật trí tuệ thường có sự phát triển trí tuệ chậm hơn so với lứa tuổi. Các em gặp khó khăn trong việc tiếp nhận, ghi nhớ và xử lý thông tin, đặc biệt là trong các hoạt động học tập đòi hỏi tư duy trừu tượng và khả năng suy luận logic. Tuy nhiên, nếu được hỗ trợ thông qua các phương pháp phù hợp như trực quan, lặp lại có hệ thống, khả năng nhận thức của các em vẫn có thể được cải thiện đáng kể (Nguyễn Thị Hoàng Yên & Đỗ Thị Thảo, 2010 [2]; (Nguyễn Xuân Hải, 2009) [4].

Ngôn ngữ và giao tiếp: Nhiều học sinh khuyết tật trí tuệ có vốn từ hạn chế, khả năng nói và hiểu lời nói kém, phát âm không rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong việc hiểu yêu cầu của giáo viên hoặc thể hiện cảm xúc, nhu cầu cá nhân. Một số em có xu hướng tránh né giao tiếp hoặc sử dụng ngôn ngữ không phù hợp (Luckasson et al., 2002) [5].

Cảm xúc và hành vi: Các em dễ xúc động, khó kiểm soát cảm xúc, thường có biểu hiện lo âu, thu mình hoặc ngược lại là cáu gắt, chống đối. Khả năng tự điều chỉnh hành vi còn yếu, dễ bị phân tán chú ý trong quá trình học tập (Nguyễn Thị Hoàng Yên & Đỗ Thị Thảo,

2010) [2].

Vận động và phối hợp tay – mắt: Một số học sinh khuyết tật trí tuệ có hạn chế về KN vận động tinh và vận động thô như cầm bút, viết chữ, xếp hình, giữ thăng bằng. Sự phối hợp tay – mắt kém ảnh hưởng đến việc thực hiện các bài tập yêu cầu thao tác cụ thể.

KN xã hội và hành vi thích ứng: Học sinh khuyết tật trí tuệ thường gặp khó khăn trong hợp tác nhóm, thực hiện nội quy lớp học và thích nghi với các yêu cầu của môi trường học tập. Một số em có hành vi lặp đi lặp lại hoặc hành vi không phù hợp với ngữ cảnh (AAIDD, 2010) [6].

2.2.2. Đặc điểm học Toán của học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1

Toán học là môn học đòi hỏi khả năng tư duy trừu tượng, logic và khả năng thao tác với các biểu tượng số học. Với học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 1 học hòa nhập, việc tiếp cận môn Toán thường gặp một số khó khăn sau:

Khó khăn trong tiếp cận khái niệm trừu tượng: Học sinh khuyết tật trí tuệ gặp trở ngại khi tiếp cận các khái niệm toán học như “số lượng”, “toán tử”, hay “quan hệ lớn hơn, bé hơn”.

Theo Nguyễn Thị Hoàng Yến và Đỗ Thị Thảo (2010), khả năng tư duy trừu tượng của trẻ khuyết tật trí tuệ rất hạn chế, nên việc dạy học cần dựa vào các phương tiện trực quan, đồ vật thật, trò chơi mô hình để giúp trẻ hình thành biểu tượng toán học [2]. Các em dễ rời khi phải thao tác trên những con số không gắn liền với hình ảnh cụ thể.

Tiếp thu chậm, cần thời gian học kéo dài: Học sinh khuyết tật trí tuệ thường học chậm, kiến thức dễ bị quên, khó khái quát và áp dụng. Việc học một khái niệm mới cần được lặp đi lặp lại nhiều lần, có hệ thống hỗ trợ ghi nhớ và duy trì sự chú ý (Friend & Bursuck, 1996) [7].

Khó khăn trong thực hành phép tính và giải toán: Các em thường không nắm chắc thứ tự thực hiện phép tính, dễ nhầm lẫn dấu, không nhớ bảng cộng – trừ, ảnh hưởng đến kết quả học tập. Tác giả Nguyễn Xuân Hải (2009) chỉ ra rằng học sinh khuyết tật trí tuệ dễ gặp rào cản khi thực hiện các bước giải toán theo quy trình, và cần sự hỗ trợ từng bước và minh họa cụ thể [4].

Thiếu KN tự điều chỉnh và giải quyết vấn đề: Học sinh khuyết tật trí tuệ thường không có chiến lược học tập cụ thể, thiếu khả năng kiểm tra kết quả hoặc tự phát hiện lỗi sai. Do đó, các em cần được hướng dẫn từng bước một cách tỉ mỉ và có tính hệ thống (Luckasson et al., 2002) [5].

Cần môi trường học tập thân thiện, tích cực: Do tâm lý dễ mặc cảm và lo lắng, học sinh khuyết tật trí tuệ cần được học trong môi trường tích cực, không bị so sánh với bạn bè, được động viên đúng lúc nhằm tạo sự tự tin trong học tập. Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Yến và Đỗ Thị Thảo (2010) nhấn mạnh: nếu trẻ khuyết tật trí tuệ được học trong môi trường không áp lực, có sự khen ngợi đúng lúc, thì sự tiến bộ trong học Toán sẽ rõ rệt hơn [2].

2.3. NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1

a. Căn cứ để xác định nội dung

Việc xây dựng nội dung cần dựa trên các yếu tố sau: 1) Mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, lớp 1 môn Toán; 2) Kế hoạch giáo dục cá nhân của sinh khuyết tật trí tuệ, bao gồm các nội dung: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và đánh giá kết quả giáo dục; 3) Đặc điểm tâm lý – nhận thức của học sinh khuyết tật trí tuệ; 4) Hướng dẫn chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện, thiết bị dạy học học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b. NDDH cụ thể:

NDDH KN thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1 có thể chia thành 04 nhóm sau:

Nhóm 1: KN nền tảng: 1) Nhận diện và gọi đúng các số từ 0 đến 10; 2) Đếm tiến và lùi trong phạm vi 10; 3) Hiểu và gắn số với lượng tương ứng; 4) Phân biệt số lượng ít hơn, nhiều hơn.

Nhóm 2: KN thực hiện phép cộng – trừ cơ bản: 1) Thực hiện phép cộng, trừ trong phạm vi 5, mở rộng đến 10; 2) Sử dụng đồ vật, hình ảnh, tranh minh họa để thao tác phép tính; 3) Nhận biết và giải thích tình huống cần cộng hoặc trừ.

Nhóm 3: KN ứng dụng phép tính trong ngữ cảnh đơn giản: 1) Giải bài toán dạng “có – thêm – tất cả”, “có – bớt – còn lại”; 2) Vận dụng KN tính toán trong hoạt động hàng ngày như chia đồ chơi, xếp nhóm, đếm bánh,...

Nhóm 4: KN duy trì và tự thực hiện: 1) Lặp lại đúng thao tác đã học; 2) Biết tự tính hoặc nhắc lại phép tính khi có gợi ý; 3) Biết chọn và sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp để tính toán.

Việc lựa chọn và tổ chức nội dung cần đảm bảo tính kế thừa từ chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời linh hoạt điều chỉnh theo từng học sinh khuyết tật trí tuệ nhằm tạo điều kiện cho các em học tập môn Toán một cách nhẹ nhàng, gần gũi và phù hợp với khả năng phát triển cá nhân.

2.4. Thực trạng NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1

2.4.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

Mục đích khảo sát: Khảo sát nhằm đánh giá thực trạng NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1 với 02 phương diện: 1) Mức độ thực hiện và 2) Mức độ đạt được.

Nội dung khảo sát: Gồm 04 nhóm kỹ năng (như trên).

Khách thể khảo sát: Phạm vi nghiên cứu của bài viết, chúng tôi thực hiện khảo sát đối với 31 giáo viên đang dạy học học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1 ở các trường tiểu học thành phố Hà Nội.

Phương pháp khảo sát: Sử dụng phiếu hỏi, phiếu quan sát, phỏng vấn các đối tượng khảo sát thông qua khảo sát trực tiếp tại địa bàn khảo sát.

Xử lý kết quả khảo sát: Sử dụng toán thống kê để tổng hợp, phân tích số liệu.

Mỗi nhóm kỹ năng và tiêu chí của mỗi nhóm kỹ năng được khảo sát ở hai mức độ: 1) Mức độ thực hiện gồm: 1– Không bao giờ; 2– Hiếm khi; 3– thỉnh thoảng; 4– Thường xuyên; 2) Mức độ thực hiện gồm: 1- Chưa thực hiện được; 2- Thực hiện cần trợ giúp hoàn toàn; 3- Thực hiện cần trợ giúp một phần; 4- Thực hiện độc lập. Quy ước điểm số tương ứng với 4 mức độ cụ thể là 1, 2, 3 và 4 điểm.

2.4.2. Kết quả khảo sát

a) *Kết quả khảo sát mức độ thực hiện NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1*

Bảng 1: Thực trạng thực hiện NDDH nhóm 1: KN nền tảng

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%					
1	Nhận diện và gọi đúng các số từ 0 đến 10	21	67.74	10	32.26	0	0.0	0	0.0	114	3.68	1		

2	Đếm tiến và lùi trong phạm vi 10	13	41.94	15	48.39	3	9.68	0	0.0	103	3.32	3
3	Hiểu và gắn số với lượng tương ứng	16	51.61	10	32.26	2	6.45	0	0.0	98	3.16	4
4	Phân biệt số lượng ít hơn, nhiều hơn	15	48.39	11	35.48	5	16.13	3	9.68	106	3.42	2
	TBC										3.40	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, cả 4 nội dung đều được giáo viên sử dụng hầu hết ở mức độ thường xuyên với Xtb dao động thấp nhất là 3.16 đến cao nhất là 3.68. Trong đó, nội dung 1 và 4 được giáo viên sử dụng nhiều nhất với Xtb lần lượt là 3.68 và 3.42, nội dung 2 và nội dung 3 được sử dụng ít hơn với Xtb lần lượt là 3.32 và 3.16. Điều này cho thấy sự phù hợp giữa thực hiện các kỹ năng nền tảng với đặc điểm của học sinh khuyết tật trí tuệ.

Bảng 2: Thực trạng thực hiện NDDH nhóm 2: KN thực hiện phép cộng – trừ cơ bản

TT	Mức độ Nội dung	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Thực hiện phép cộng, trừ trong phạm vi 5, mở rộng đến 10	19	61.29	10	32.26	2	6.45	0	0.0	110	3.55	1
2	Sử dụng đồ vật, hình ảnh, tranh minh họa để thao tác phép tính	23	74.19	8	25.81	0	0.0	0	0.0	100	3.23	2
3	Nhận biết và giải thích tình huống cần cộng hoặc trừ	11	35.48	13	41.94	7	22.58	0	0.0	97	3.13	3
	TBC										3.30	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, các nội dung của nhóm 2 đều đạt ở mức độ khá cao với Xtb dao động từ 3.13 đến 3.55, không có ý kiến nào cho rằng không bao giờ thực hiện. Như vậy, giáo viên đã thực sự tập trung vào NDDH về KN thực hiện phép tính cộng – trừ đơn giản. Điều này là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 1.

Bảng 3: Thực trạng thực hiện NDDH nhóm 3: KN ứng dụng phép tính trong ngữ cảnh đơn giản

TT	Mức độ Nội dung	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Giải bài toán dạng “có – thêm – tất cả”, “có – bớt – còn lại”	12	38.71	11	35.48	8	25.81	0	0.0	97	3.13	2

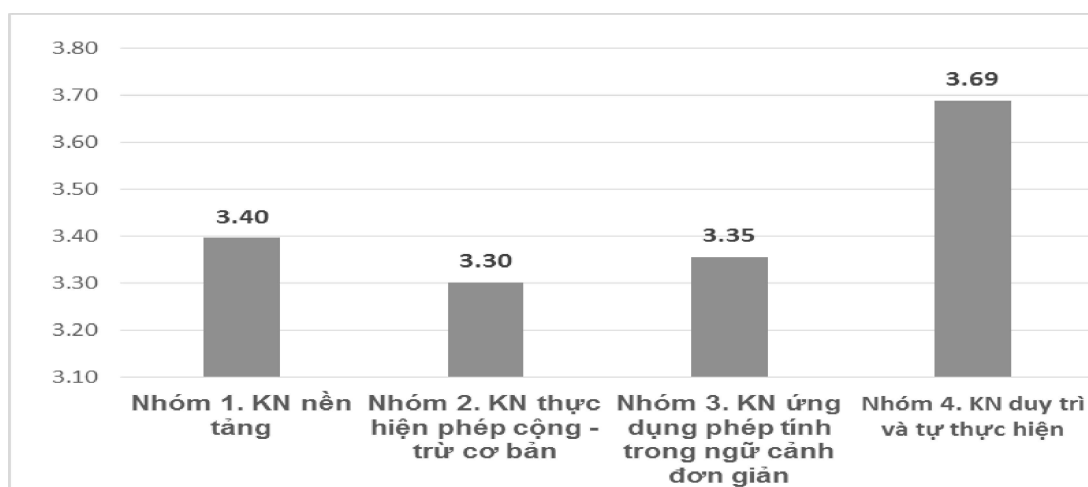
2	Vận dụng KN tính toán trong hoạt động hàng ngày như chia đồ chơi, xếp nhóm, đếm bánh,...	18	58.06	13	41.94	0	0.0	0	0.0	111	3.58	1
TBC											3.35	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, hai nội dung được khảo sát của nhóm 3 đều đạt ở mức cao với Xtb là 3.13 và 3.58. Giáo viên đã thể hiện việc sử dụng giảng dạy KN ứng dụng phép tính trong ngữ cảnh đơn giản (Xtb=3.58).

Bảng 4: Thực trạng thực hiện NDDH nhóm 4: KN duy trì và tự thực hiện

TT	Mức độ Nội dung	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Lặp lại đúng thao tác đã học	31	100	0	0.0	0	0.0		0.0	124	4.0	1
2	Biết tự tính hoặc nhắc lại phép tính khi có gợi ý	17	54.84	11	35.48	3	9.68	0	0.0	107	3.45	3
3	Biết chọn và sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp để tính toán	21	67.74	8	25.81	2	6.45	0	0.0	112	3.61	2
TBC											3.69	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, cả 3 nội dung của nhóm 4 đều đạt mức độ cao, trong đó, nội dung 1 đạt mức cao tuyệt đối khi Xtb=4.0. Giáo viên luôn sử dụng cách thức lặp đi lặp lại đúng các thao tác đã học. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của học sinh khuyết tật trí tuệ khi các em “học trước quên sau”. Đồng thời, giáo viên cũng luôn gợi ý và hỗ trợ học sinh khuyết tật trí tuệ trong thực hiện phép tính cũng như lựa chọn và sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp để tính toán.



Sơ đồ 1: So sánh thực trạng thực hiện NDDH 04 nhóm kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1

Chúng tôi đã tổng hợp nhằm so sánh thực trạng thực hiện NDDH 04 nhóm kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1 và thể hiện ở Sơ đồ trên. Kết quả so sánh cho thấy, nhóm 4 được giáo viên sử dụng thường xuyên nhất với

Xtb=3.69, tiếp theo là nhóm 1 với Xtb=3.40, nhóm 3 với Xtb=3.35 và nhóm được sử dụng ít hơn so với các nhóm là nhóm 2 với Xtb=3.30. Tuy nhiên, có thể nhận thấy, cả 04 nhóm đều được sử dụng ở mức độ cao, chứng tỏ giáo viên đã thực hiện NDDH ở 04 nhóm kỹ năng khảo sát đáp ứng yêu cầu và phù hợp với đặc điểm của học sinh khuyết tật trí tuệ.

b) *Kết quả khảo sát mức độ đạt được NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1*

Bảng 5: Thực trạng mức độ đạt được NDDH nhóm 1: KN nền tảng

TT	Nội dung	Thực hiện độc lập		Thực hiện cần trợ giúp một phần		Thực hiện cần trợ giúp hoàn toàn		Chưa thực hiện được		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Nhận diện và gọi đúng các số từ đến 10	7	22.58	19	61.29	3	9.68	2	6.45	93	3.00	1
2	Đếm tiến và lùi trong phạm vi 10	5	15.15	11	33.33	15	45.45	6	18.18	89	2.70	2
3	Hiểu và gắn số với lượng tương ứng	6	19.35	9	29.03	10	32.26	2	6.45	73	2.35	4
4	Phân biệt số lượng ít hơn, nhiều hơn	7	22.58	11	35.48	6	19.35	7	22.58	80	2.58	3
	TBC										2.66	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, mức độ đạt được ở nhóm 1 của học sinh khuyết tật trí tuệ ở mức trung bình, chỉ nội dung 1 đạt mức độ khá với nội dung Nhận diện và gọi đúng các số từ 0 đến 10. Nội dung 3 được đánh giá thấp nhất với Xtb=2.35.

Bảng 6: Thực trạng mức độ đạt được NDDH nhóm 2: KN thực hiện phép cộng – trừ cơ bản

TT	Nội dung	Thực hiện độc lập		Thực hiện cần trợ giúp một phần		Thực hiện cần trợ giúp hoàn toàn		Chưa thực hiện được		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Thực hiện phép cộng, trừ trong phạm vi 5, mở rộng đến 10	7	22.58	15	48.39	5	16.13	4	12.9	87	2.81	1
2	Sử dụng đồ vật, hình ảnh, tranh minh họa để thao tác phép tính	9	29.03	14	45.16	5	16.13	3	9.68	83	2.68	2
3	Nhận biết và giải thích tình huống cần cộng hoặc trừ	4	12.9	9	29.03	13	41.94	5	16.13	74	2.39	3
	TBC										2.62	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, mức độ đạt được của học sinh khuyết tật trí tuệ ở 03 nội dung của nhóm 2 đạt mức trung bình, Xtb dao động từ 2.39 đến 2.81. Thực hiện

phép cộng, trừ trong phạm vi 5, mở rộng đến 10 được các em tự thực hiện hoặc thực hiện cần trợ giúp một phần. Tuy nhiên, ở cả ba nội dung đều có một số học sinh khuyết tật trí tuệ chưa thực hiện được, đặc biệt khi đòi hỏi học sinh khuyết tật tuệ giải thích tính huống cần cộng hoặc trừ.

Bảng 7: Thực trạng mức độ đạt được NDDH nhóm 3: KN ứng dụng phép tính trong ngữ cảnh đơn giản

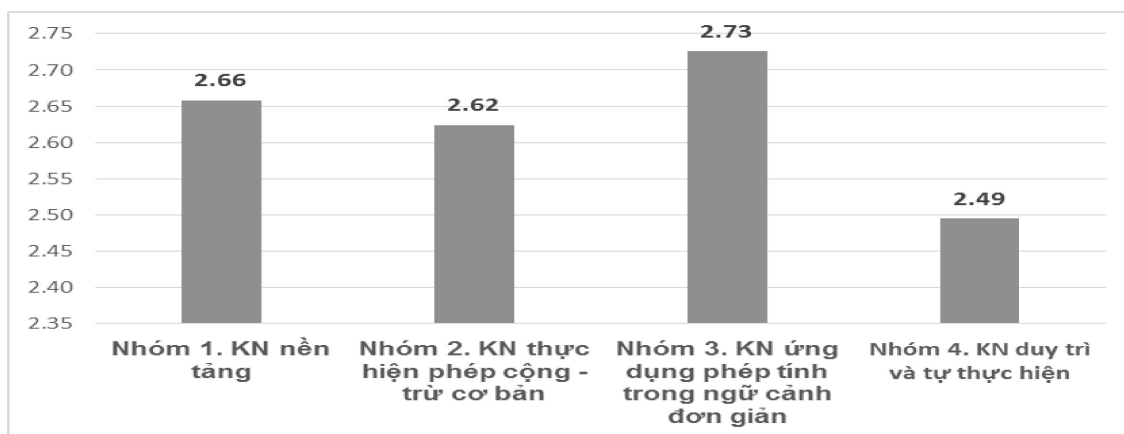
TT	Nội dung	Thực hiện độc lập		Thực hiện cần trợ giúp một phần		Thực hiện cần trợ giúp hoàn toàn		Chưa thực hiện được		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Giải bài toán dạng “có – thêm – tất cả”, “có – bớt – còn lại”	6	19.35	15	48.39	7	22.58	3	9.68	86	2.77	1
2	Vận dụng KN tính toán trong hoạt động hàng ngày như chia đồ chơi, xếp nhóm, đếm bánh,...	5	16.13	13	41.94	11	35.48	2	6.45	83	2.68	2
TBC											2.73	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, hai nội dung được khảo sát của nhóm 3 đạt mức độ khá. Điều này phản ánh đặc trưng của học sinh khuyết tật trí tuệ trong thực hiện phép tính khi các em có đủ sự hỗ trợ trực quan về lời như “có – thêm – tất cả”, “có – bớt – còn lại” hay “đồ chơi, xếp nhóm, đếm bánh,...”. Bên cạnh đó, số lượng học sinh cần trợ giúp hoàn toàn và chưa thực hiện được còn chiếm khá cao, nội dung 1 là 10 em (chiếm 32.6%) và nội dung 2 là 13 em (chiếm 41.93%)

Bảng 8: Thực trạng mức độ đạt được NDDH nhóm 4: KN duy trì và tự thực hiện

TT	Nội dung	Thực hiện độc lập		Thực hiện cần trợ giúp một phần		Thực hiện cần trợ giúp hoàn toàn		Chưa thực hiện được		N	Xtb	Thứ bậc
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Lặp lại đúng thao tác đã học	3	9.68	12	38.71	11	35.48	5	16.13	75	2.42	3
2	Biết tự tính hoặc nhắc lại phép tính khi có gợi ý	5	16.13	9	29.03	14	45.16	3	9.68	78	2.52	2
3	Biết chọn và sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp để tính toán	4	12.9	11	35.48	14	45.16	2	6.45	79	2.55	1
TBC											2.49	

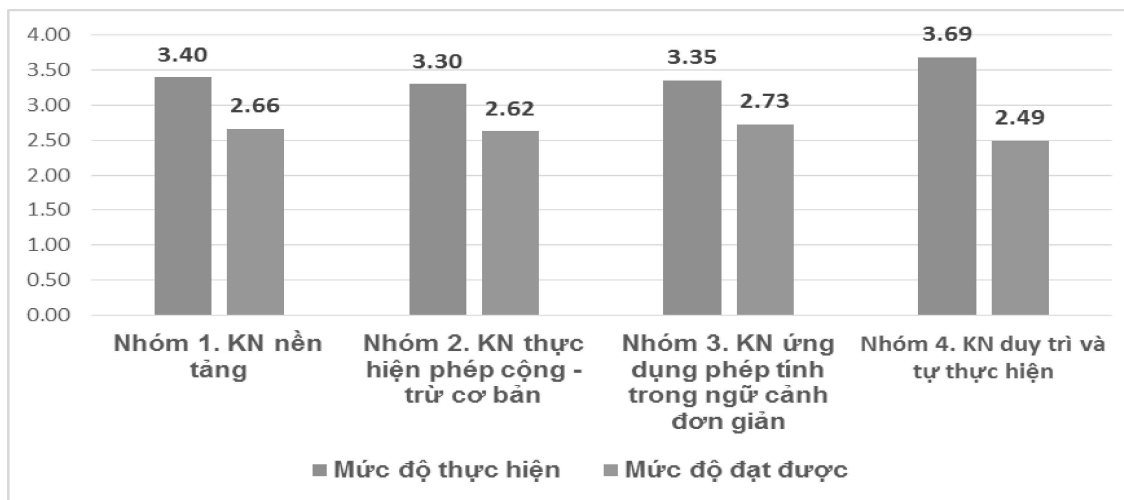
Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, ba nội dung nhóm 4 đạt ở mức độ trung bình, đồng thời có một số lượng khá cao học sinh cần trợ giúp hoàn toàn và chưa thực hiện được, tương ứng nội dung 1 là 16 em (chiếm 51.61%), nội dung 2 là 17 em (chiếm 54,84%) và nội dung 3 là 16 em (chiếm 51.61%). Kết quả này cho thấy, KN duy trì và thực hiện của học sinh khuyết tật trí tuệ còn nhiều hạn chế, cần được tập trung hướng dẫn nhiều hơn.



Sơ đồ 2: Thực trạng mức độ đạt được NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1

Chúng tôi đã tổng hợp nhằm so sánh thực trạng mức độ đạt được của việc thực hiện NDDH 04 nhóm kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1 và thể hiện ở Sơ đồ trên. Kết quả so sánh cho thấy, nhóm 3 đạt kết quả cao nhất với $X_{tb}=2.73$, nhóm 4 đạt kết quả thấp nhất với $X_{tb}=2.49$. Nhìn chung, mức độ đạt được của học sinh khuyết tật trí tuệ chỉ đạt ở mức độ trung bình.

Để có bức tranh rõ nét hơn về thực hiện NDDH và kết quả đạt được ở học sinh khuyết tật trí tuệ, chúng tôi tổng hợp và so sánh hai thực trạng này và thể hiện ở Sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 3: So sánh mức độ thực hiện và mức độ đạt được NDDH kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1

Kết quả so sánh thể hiện ở Sơ đồ trên cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt giữa mức độ thực hiện và mức độ đạt được đối với cả 04 nhóm KN được khảo sát. Mức độ đạt được thấp hơn nhiều so với mức độ thực hiện. Mặc dù việc thực hiện NDDH của giáo viên được đánh giá ở mức độ phù hợp cao song kết quả thể hiện ở học sinh khuyết tật lại không tương xứng. Điều này cho thấy, giáo viên cần có những điều chỉnh phù hợp cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học thực hiện phép tính đối với học sinh khuyết tật.

3. KẾT LUẬN

Với đặc trưng cơ bản về nhận thức khi có chỉ số $IQ < 70$ cùng với những hạn chế về các kỹ năng khác, học sinh khuyết tật trí tuệ khi bước vào học lớp 1 luôn gặp nhiều khó khăn trong học tập, đặc biệt là với việc học tập môn Toán cũng như việc thực hiện phép tính. Với kết quả nghiên cứu thực trạng đối với 31 giáo viên đang dạy học cho học sinh khuyết tật trí

tuệ hòa nhập ở lớp 1 đã cho thấy khoảng cách rõ nét giữa việc hiện dạy học thực hiện phép tính của giáo viên với kết quả đạt được ở học sinh ở 04 nhóm kỹ năng: 1) Nhóm KN nền tảng; 2) Nhóm KN thực hiện phép cộng – trừ cơ bản; 3) Nhóm KN ứng dụng phép tính trong ngữ cảnh đơn giản; 4) Nhóm KN duy trì và tự thực hiện.

Dựa trên kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất một số các biện pháp để có thể nâng cao hơn nữa kết quả đạt được của việc thực hiện phép tính đối với học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở lớp 1 gồm: 1) Đánh giá xác định kỹ năng thực hiện phép tính ban đầu của học sinh khuyết tật trí tuệ, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1; 2) Sử dụng các cách hướng dẫn trực tiếp kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1 ở trên lớp học; 3) Phối hợp, hỗ trợ cha mẹ dạy học kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1 tại gia đình; 4) Thường xuyên đánh giá kỹ năng thực hiện phép tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hoà nhập ở lớp 1.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. American Psychiatric Association (2013), *Dianostic abd Statistical Manual Mental Disorders DSM-5*, Washington DC: AA.
2. Nguyễn Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thảo (2010), *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*, nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Lê Văn Tạc (2006), *Phương pháp dạy học trẻ khuyết tật trí tuệ*, nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Hải (2009), *Điều chỉnh nội dung dạy học một số môn học cho học sinh chậm phát triển trí tuệ hòa nhập*, Luận án Tiến sỹ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
5. Luckasson, R., et al (2002), *Mental retardation: Definition, classification, and systems of supports*, Washington, DC: American Association on Mental Retardation.
6. AAIDD, (2010), *Instructional strategies for students with intellectual disabilities*.
7. Friend, M., & Bursuck, W. D (1996), *Including students with special needs: A practical guide for classroom teachers*, Boston: Allyn & Bacon.

TEACHING CALCULATION SKILLS TO STUDENTS WITH INTELLECTUAL DISABILITIES IN INCLUSIVE SCHOOL AT 1st GRADE

Summary: *Students with intellectual disabilities have basic cognitive characteristics when they have an IQ <70, limited communication skills, social skills and independent living skills. They always face many difficulties in studying, living and integrating at school and in the community. However, despite the limitations caused by intellectual disabilities, they need to be equipped with very basic knowledge and skills to be able to integrate in studying and living at school, family and community. Based on the theoretical issues such as some basic concepts, general characteristics and characteristics of learning Mathematics for students with intellectual disabilities in integrated learning in grade 1, identifying 04 groups of calculation skills, the article evaluates the current situation of teaching calculation skills for students with intellectual disabilities in integrated learning in grade 1 in terms of the level of implementation and achievement of the 04 groups of skills identified through a survey of 31 teachers who are teaching integrated learning for students with intellectual disabilities in grade 1. The research results of the article will be the basis for research to propose measures to teach calculation skills for students with intellectual disabilities in integrated learning in grade 1, contributing to improving the quality of this process.*

Keywords: *Teaching; inclusive learning; intellectual disability; skills; calculation.*